TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 6 – 2018
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Út

Bà Lê Thị Diễm Thi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Lil – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lượng là Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐST–HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Bích T, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TT 2, xã TP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bùi Quang K, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp LH 1, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 chị Lê Thị Bích T và anh Bùi Quang K tổ chức lễ cưới, đến ngày 04/9/2015 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có con chung. Đến năm 2015 thì anh K thường bỏ nhà đi chơi, không chăm lo cho vợ con, chị T đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh K không sửa đổi, từ đó vợ chồng thường

xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng anh chị đã ly thân gần 03 năm nay.

Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung tên Bùi N (giới tính: nam), sinh ngày: 15/02/2014, cháu N hiện đang sống với anh K, sau khi ly hôn chị T đồng ý để anh K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai bị đơn Bùi Quang K có lời trình bày: anh K thừa nhận vào năm 2015 anh K có đăng ký kết hôn với chị Lê Thị Bích T. Do phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng nên nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Con chung anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên toà sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Bích T và anh Bùi Quang K được ly hôn; Về con chung chấp nhận cho anh K được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi N (giới tính: nam), sinh ngày: 15/02/2014, anh K chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nên chưa xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Bùi Quang K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Bùi Quang K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 chị T và anh K tổ chức lễ cưới, đến ngày 04/9/2015 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T và anh K đã ly thân gần 03 năm nay. Thời gian ly thân kéo dài nhưng vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh K, từ đó chứng minh rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Bùi Quang K.

[3] Về con chung: chị T và anh K có 01 con chung, cháu tên Bùi N (giới tính: nam), sinh ngày: 15/02/2014, cháu N hiện đang sống với gia đình anh K, sau khi ly hôn chị T cho rằng không có đủ điều kiện để chăm con nên chị T đồng ý để gia đình anh K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Tại bản tự khai của anh K cũng thể hiện anh có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về điều kiện nuôi con của anh K thì được chính quyền địa phương xác nhận gia đình anh K có đủ điều kiện để chăm lo, nuôi dưỡng cháu Nghị, hiện nay cháu Nghị được gia đình anh K chăm lo chu đáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi N. Anh K chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị T không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị Bích T phải chịu nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Bùi Quang K.

[2] Về con chung: Anh Bùi Quang K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi N (giới tính: nam), sinh ngày: 15/02/2014. Anh K chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị T không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo lai thu số 0015477 phiếu lập ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[6] Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Bùi Quang K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã LP;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Đào Thị Thủy